TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 tháng 3 năm 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng và ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/3/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 25, ngõ 02, Y, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ **Bị đơn**: Anh Hoàng Quang T, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31/12/2019 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hoàng Quang T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2016 tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì chị T về làm dâu nhà anh T ngay tại địa chỉ thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống hai bên luân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do anh T mải chơi không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 02/2018 thì anh T bỏ nhà đi làm ăn xa. Chị T và anh T ly thân nhau từ đó. Thỉnh thoảng anh T có điện thoại về cho chị nhung không nói địa chỉ hiện đang cư trú và làm việc ở đâu. Chị T có thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng anh T không về và nói kệ Tòa án giải quyết. Nay chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Quang T đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, xác minh với ông Nguyễn Đình C - trưởng thôn R và ông Trần Văn Đ, Trưởng Công an xã D cho biết như sau:

Anh Hoàng Quang T kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2016 tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì chị T về làm dâu nhà anh T ngay tại địa chỉ thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống hai bên luân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do anh T mải chơi không tu trí làm ăn. Đến tháng 02/2018 thì anh T bỏ nhà đi làm ăn xa. Chị T và anh T ly thân nhau từ đó. Thỉnh thoảng anh T có điện thoại về cho chị nhung không nói địa chỉ hiện đang cư trú và làm việc ở đâu. Chị T có thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng anh T không về và nói kệ Tòa án giải quyết. Nay chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hoàng Quang T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay cả chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử váng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị T và anh T theo Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hoàng Quang T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Giang là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (chị T cho rằng anh T không chịu tu trí làm ăn lại ăn chơi đua đòi) dẫn tới việc chị T và anh T phải ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018. Anh T thì bỏ nhà đi làm ăn xa, còn chị T thì về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại số 25, ngõ 02, Y, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, từ đó hai người không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu

thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[3] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hoàng Quang T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000839 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hoàng Quang T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường